TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 -NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **84**/HNGĐ - ST
Ngày 28/5/2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Văn Đông
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Bá Lịch.
2. Bà Lữ Thị Thủy.

***Thư ký phiên toà*:** Ông Lang Thanh Như – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2026/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 29/4/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Hà Duy T** sinh năm: 1987; Số CCCD: 082087008464.

Địa chỉ: 1 A, phường P, thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị **Lữ Thị T1,** sinh năm: 1988; Số CCCD: 040188032009.

Địa chỉ: Bản M, xã T, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Hà Duy T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Hà Duy T và chị Lữ Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh (cũ) vào ngày 15/12/2023. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân vợ chồng hạnh phúc, cuối năm 2024 giữa vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng không hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh Hà Duy T và chị Lữ Thị T1 sống ly thân từ cuối năm 2024. Đến nay anh Hà Duy T nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm để đoàn tụ nên yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn với chị Lữ Thị T1.

Về con chung: Anh Hà Duy T và chị Lữ Thị T1 có 01 người con chung là Hà Lữ Hải M, sinh ngày 20/10/2023. Do con chung đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nên anh Hà Duy T đồng ý giao con chung cho chị Lữ Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh Hà Duy T đề nghị tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mình.

Về tài sản chung: Anh Hà Duy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Lữ Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần yêu cầu tham gia giải quyết vụ án nhưng vắng mặt và không có văn bản gửi Tòa án xem xét theo quy định, cố tình vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Nghệ An phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cần chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Hà Duy T được ly hôn chị Lữ Thị T1.

Về con chung: Giao con chung là Hà Lữ Hải M, sinh ngày 20/10/2023 cho chị Lữ Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Hà Duy T.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến hoặc văn bản phản hồi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Hà Duy T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Hà Duy T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lữ Thị T1, đồng ý giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, đề nghị tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với mình và không yêu cầu chia tài sản chung. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

[2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Lữ Thị T1 có địa chỉ đăng ký thường trú tại Bản M, xã T, tỉnh Nghệ An, qua xác minh chị T1 không đăng ký thường trú, tạm trú tại địa chỉ khác. căn cứ quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung), vụ án được xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Nghệ An.

[3] Sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn có mặt trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Sau khi được tống đạt thông báo, triệu tập và niêm yết văn bản tố tụng theo quy định bị đơn không có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết vụ án, cố tình vắng mặt và không có ý kiến phản hồi để Tòa án xem xét, không cung cấp địa chỉ liên hệ, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ hướng dẫn của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cùng văn bản pháp luật liên quan, xác định vụ án thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, cố ý vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu, do đó Tòa án tiếp tục tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Trước khi vụ án được đưa ra xét xử nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên cần căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, xác định giữa anh Hà Duy T và chị Lữ Thị T1 có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh (cũ) vào ngày 15/12/2023 theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến năm 2025 giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn được tống đạt, niêm yết Thông báo, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi theo yêu cầu, nguyên đơn anh Hà Duy T giữ nguyên ý kiến đề nghị được giải quyết ly hôn với chị Lữ Thị T1. Xét thấy, thực tế vợ chồng đã sống ly thân, suốt thời gian ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, hỗ trợ lẫn nhau, không có nỗ lực gì hàn gắn tình cảm để đoàn tụ, giữa vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, nguyên đơn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu đề nghị giải quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đó thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do đú, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho anh Hà Duy T được ly hôn với chị Lữ Thị T1.

[5] Về con chung: Qua xem xét tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, qua xác minh, xét thấy con chung tại thời điểm giải quyết vụ án dưới 36 (Ba mươi sáu) tháng tuổi, nguyên đơn anh Hà Duy T có ý kiến đồng ý tiếp tục giao con chung cho chị Lữ Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh T1. Căn cứ quy định của pháp luật, qua xác minh trên thực tế, cần tiếp tục giao con chung cho chị Lữ Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Hà Duy T là phù hợp.

[6] Về tài sản chung: Anh Hà Duy T không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết, chị Lữ Thị T1 không có ý kiến phản hồi, không gửi văn bản cho Tòa án xem

xét theo yêu cầu. Nhận thấy, ý kiến của đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước hoặc với bên thứ ba, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chưa giải quyết (nếu có), nếu sau này xảy ra tranh chấp hai bên có quyền tự thỏa thuận định đoạt hoặc yêu cầu khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Duy T được ly hôn chị Lữ Thị T1.

2. Về con chung: Giao con chung Hà Lữ Hải M, sinh ngày 20/10/2023 cho chị Lữ Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 5 năm 2026 trở đi, cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Hà Duy T.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Hà Duy T chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000107, ngày 07 tháng 01 năm 2026 tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND Khu vực 10- Nghệ An;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;*
- *UBND xã Châu Hồng, tỉnh Nghệ An;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Hà Văn Đông